

Bản án số: 198/2024/DS-ST
Ngày 10-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Trong các ngày 24 tháng 6 và 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà: Ông Trương Văn L, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- **Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Lê Chí H, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Lê Hồng M, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Chị Lê Thúy Phượng; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Chị Lê Thúy Hằng; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Cao Quốc T – Công ty luật TNHH một thành viên Thiên Đức, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trương Chí N, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TT, huyện DD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trương Văn L trình bày: Ngày 28/7/2017 âm lịch, ông và bà H đã cho ông Lê Hoàng N, bà Trần Thị N vay 160.000.000đ, lãi suất 2%/tháng (3.200.000đ/tháng), trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, mục đích ông N, bà N vay để cho con có vốn làm ăn. Sau khi vay, phía bị đơn có trả lãi từ tháng 8/2017 âm lịch cho đến tháng 8/2023 âm lịch tổng số tiền 232.600.000đ. Sau đó, ông có liên hệ phía bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ nhưng đến nay vẫn không trả. Ông và bà H yêu cầu bà N, chị H, chị P, chị M và anh H trả lại số tiền 160.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Ông Cao Quốc T, bà Trần Thị N và anh Lê Chí H thống nhất trình bày: Bà N không có cùng ông N vay số tiền 160.000.000đ theo như lời trình bày của nguyên đơn. Bà N và anh H không đồng ý trả số tiền 160.000.000đ theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Lê Hồng M trình bày: Ngày 28/7/2017 âm lịch, chị có vay của ông L 160.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, không làm biên nhận hay hợp đồng vay. Đến ngày 27/6/2018, chị trả được 100.000.000đ, nợ lại 60.000.000đ. Đến ngày 09/11/2018 âm lịch, chị vay thêm 100.000.000đ, lãi suất 2%/tháng. Chị đóng lãi đầy đủ đến tháng 8/2023 thì ngưng. Chị xác định khoản nợ nguyên đơn yêu cầu là của chị và đồng ý trả cho ông L số tiền 160.000.000đ.

Tại phiên Tòa,

Ông Trương Văn L trình bày: Ông N, bà N là người vay tiền của ông, hiện tại ông N đã chết nên ông yêu cầu bị đơn trả số tiền 138.000.000đ.

Bà Trần Thị N trình bày: Bà không biết ông N có vay tiền của nguyên đơn và cũng không xác định được chữ ký, chữ viết ở phần đại diện bên B tại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2017 âm lịch có phải của ông N hay không. Bà không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nguyên đơn yêu cầu.

Ông Cao Quốc T trình bày: Ông yêu cầu chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị M trả cho nguyên đơn số tiền 138.000.000đ bởi các lý do sau: Chưa đủ căn cứ xác định chữ ký, chữ viết ở phần đại diện bên B tại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2017 âm lịch là của ông N. Ông Mã Tấn T là người xác

nhận đã rời khỏi địa phương nên cũng chưa xác định chữ ký tại phần xác nhận của Ban nhân dân ấp có phải của ông T không. Ông L và bà N thống nhất chữ ký, chữ viết ở phần đại diện bên B tại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2017 âm lịch không phải của bà N. Bà N chưa từng thấy ông N đem số tiền 160.000.000đ về gia đình và không biết ông N sử dụng số tiền trên vào mục đích gì. Theo đơn xin trình bày đứng tên Lê Hồng M ngày 25/6/2024, chị M thừa nhận là người vay tiền ông L và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn.

Anh Trương Chí N trình bày: Anh yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L và bà H, buộc các bị đơn trả cho ông L và bà H số tiền 138.000.000đ vì: ông N, bà N là người trực tiếp vay tiền, ông N là người trực tiếp đóng tiền lãi khi còn sống, sau khi ông N chết thì chị M trả tiền lãi hàng tháng cho ông L và bà H thông qua tài khoản của anh.

Đối với chị Lê Thúy P và chị Lê Thúy H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về xét xử vắng mặt đương sự: Anh Lê Chí H và chị Lê Hồng M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Lê Thúy P và chị Lê Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

Về vấn đề cử trợ giúp viên pháp lý: Tại phiên Tòa, phía bị đơn có cung cấp Quyết định về việc trợ cấp xã hội số 1653/QĐ-UBND ngày 13/7/2023, trợ cấp cho chị Lê Thúy P là đối tượng Người khuyết tật nặng. Tuy nhiên phía bị đơn xác định không yêu cầu cử trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị P. Đồng thời, phía bị đơn cũng đã yêu cầu Luật sư Cao Quốc T bảo vệ quyền và lợi ích cho phía bị đơn bao gồm chị P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc không cử trợ giúp viên pháp lý vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo ông L trình bày ngày 28/7/2017 âm lịch, ông và bà H đã cho ông N và bà N vay 160.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, sau đó có trả được 100.000.000đ, đến ngày 09/11/2018 âm lịch ông N tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000đ, tổng số nợ 160.000.000đ, đóng lãi được 232.600.000đ. Bà N không thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền trên nên không đồng ý trả. Chị M thừa nhận chị là người vay tiền nên chị là người có trách nhiệm trả và đồng ý trả cho nguyên đơn 160.000.000đ. Xét thấy: Theo hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2017 âm lịch có nội dung ông N, bà N đã vay ông L, bà H 160.000.000đ có xác nhận của ông Mã Tấn T (nguyên trưởng ấp TH). Tại phiên Tòa, bà N không xác định được chữ ký và chữ viết “Lê Hoàng N” ở mục đại diện bên B có phải của ông N và cũng không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông N. Theo sổ phụ nguyên đơn

cung cấp thể hiện hàng tháng chị Lê Hồng M là con ông N có chuyển tiền cho anh Trương Chí N là con ông L. Ông L và anh N xác định số tiền chị M chuyển hàng tháng cho anh N là tiền đóng lãi. Xét thấy, mặc dù bà N không thừa nhận đã vay của nguyên đơn 160.000.000đ nhưng lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng vay vốn, sổ phụ và phù hợp lời trình bày của chị M. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông N đã vay của nguyên đơn 160.000.000đ. Tại phiên Tòa, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 138.000.000đ. Việc ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Trong thời gian ông N vay tiền, ông và bà N đang sống chung và tồn tại mối quan hệ vợ chồng nên cần xác định khoản nợ trên là nợ chung của ông N, bà N, mặc dù hợp đồng vay vốn không có chữ ký của bà N. Hiện nay, ông N đã chết nên anh H, chị M, chị P và chị H là hàng thừa kế thứ nhất của ông N có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn trong phạm vi di sản do ông N để lại.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà H. Buộc bà N, chị H, chị P, chị M và anh H trả cho ông L, bà H số tiền 138.000.000đ. Chị H, chị P, chị M và anh H có trách nhiệm trả nợ trong phạm vi di sản ông N để lại.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà H không phải chịu do có đơn xin miễn án phí theo đúng luật định. Bà N và chị P không phải chịu do có đơn và thuộc trường hợp miễn án phí đúng luật định. Chị H, chị M và anh H mỗi người phải chịu $(138.000.000đ \times 5\%) : 5 = 1.380.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468, Điều 614, Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thu H. Buộc bà Trần Thị N, chị Lê Thúy H, chị Lê Thúy P, chị Lê Hồng M và anh Lê Chí H có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thu H số tiền 138.000.000đ (một trăm ba mươi tám triệu đồng). Chị Lê Thúy H, chị Lê Thúy P, chị Lê Hồng M và anh Lê Chí H có trách nhiệm trả số nợ trên trong phạm vi di sản ông Lê Hoàng N để lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực

hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thúy H, chị Lê Hồng M và anh Lê Chí H mỗi người phải chịu 1.380.000đ (một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

